

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2020/DS - ST

Ngày: 26/10/2020.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.
2. Ông Nguyễn Đình Nghịch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương, thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 26/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 588/2020/TLST - DS ngày 03/8/2020, về việc: “Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐST-DS, ngày 18 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐST-DS ngày 05/10/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà L.T.T.C, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số nhà A, đường B, phường H, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L.T.T.C:

1.1. Ông N T. H, sinh năm 1988. (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà C, đường D, phường E, thành T, tỉnh Đắk Lắk.

1.2. Ông N. D. T, sinh năm 1988. (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường K, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông H. A.V, sinh năm 1975, bà T. H. C. N, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Số nhà C, đường K, thị trấn P, huyện K. tỉnh Đắk Lắk.

Bà T. H. C. N có mặt. Ông H. A.V ủy quyền cho bà T. H. C. N tham gia tố tụng tại phiên tòa theo hợp đồng ủy quyền ngày 26/10/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2020 của nguyên đơn bà L.T.T.C và tại bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của bà C là ông N T. H và ông N. D. T trình bày:**

Do có mối quan hệ làm ăn với nhau nên trong năm 2018, năm 2019, bà L.T.T.C cho ông H, bà N vay tiền hai lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 28/11/2018, bà L.T.T.C cho Ông H, bà N vay số tiền là 1.200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/ 1 tháng. Thời hạn vay 15 ngày.

Lần 2: Ngày 02/5/2019, bà L.T.T.C cho bà T. H. C. N vay số tiền là 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/ 1 tháng. Trong hợp đồng không thỏa thuận thời hạn trả nợ, tuy Nên hai bên thỏa thuận bằng lời nói: Nếu bà C có nhu cầu lấy số tiền vay 500.000.000 đồng thì báo trước cho bà N khoảng một tháng.

Hai lần vay nói trên được hai bên xác lập bằng hợp đồng, chữ viết trong hợp đồng do bà T. H. C. N viết. Chữ viết H.A.V và T. H. C. N được mục người vay tiền trong giấy vay tiền ngày 28/11/2018 do ông V và bà N ký và viết ra. Chữ viết T. H. C. N dưới mục người vay tiền trong giấy vay tiền ngày 02/5/2029 do bà N viết ra.

Tổng hai lần vay, ông V, bà N vay của bà L.T.T.C 1.700.000.000 đồng. bà C đã Nêu lần yêu cầu ông V bà N trả cho bà C số tiền vay gốc và lãi suất nói trên nhưng ông V bà N mới trả được 200.000.000 đồng tiền vay gốc của số tiền vay 500.000.000 đồng và trả tiền lãi suất của tổng số tiền vay 1.700.000.000 đồng đến hết ngày 31/5/2019. Số tiền vay gốc 1.500.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 1/6/2019, ông V, bà N không trả cho bà C. Do vậy ngày 11/5/2020, bà L.T.T.C làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V, bà N trả cho bà C 1.500.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng vay.

Sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, ngày 27/9/2020 bà T. H. C. N và ông H.A.V đã trả cho bà C được 700.000.000 đồng tiền vay gốc, còn nợ lại 800.000.000 đồng.

Do vậy, tại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bà C là ông H và ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông H.A.V và bà T. H. C. N trả cho bà C số tiền vay gốc còn lại là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) và tiền lãi suất theo các hợp đồng vay mà các bên đã giao kết.

*** Tại bản tự khai ngày 18/8/2020 và tại phiên tòa, bị đơn bà T. H. C. N trình bày:**

Tôi (T. H. C. N) với bà L.T.T.C có mối quan hệ quen biết qua việc làm ăn với nhau nên vào ngày 28/11/2018 vợ chồng tôi (T. H. C. N, H A V) vay của bà L.T.T.C số tiền là 1.200.000.000 đồng để đầu tư kinh doanh mua bán nông sản. Khi vay hai bên có lập hợp đồng vay, lãi suất thỏa thuận 1,5%/ tháng, thời hạn vay 15 ngày, giấy vay tiền do tôi viết. Chữ ký và chữ viết C N, H.A.V dưới mục người vay tiền do vợ chồng tôi ký và viết ra.

Ngày 02/5/2019, tôi (N) tiếp tục vay của bà L.T.T.C số tiền 500.000.000 đồng, khi vay hai bên có xác lập giấy mượn tiền, lãi suất thỏa thuận 1,5%/ tháng, thời hạn trả nợ tiền vay hai bên thỏa thuận bằng lời nói khi nào bà C cần tiền thì báo trước cho tôi khoảng 1 tháng thì tôi sẽ trả cho bà C. Giấy vay tiền do tôi viết, chữ viết T. H. C. N dưới mục người vay tiền do tôi viết ra.

Do kinh doanh không được thuận lợi nên vợ chồng tôi mới trả được cho bà C 200.000.000 đồng của số tiền vay 500.000.000 đồng và lãi suất đã trả đến hết ngày 31/5/2019. Bà C đã Nều lần yêu cầu vợ chồng tôi trả nợ cho bà C nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng tôi không có tiền để trả cho bà C. Ngày 11/5/2020 bà C khởi kiện ra Tòa án. Ngày 27/9/2020, vợ chồng tôi đã trả cho bà C được 700.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ lại 800.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 01/6/2019 đến nay.

Nay bà L.T.T.C khởi kiện, tôi đồng ý trả cho bà L.T.T.C số tiền vay gốc 800.000.000 đồng, tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên tôi xin trả tiền vay gốc làm nhiều lần và xin bà C không tính tiền lãi suất.

*** Tại bản tự khai ngày 18/8/2020 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông H.A.V trình bày:**

Vào năm 2014, vợ tôi T. H. C. N thành lập công ty thu mua nông sản, cà phê, mọi việc buôn bán kinh doanh đều do vợ tôi quản lý. Việc kinh doanh thu mua nông sản của vợ, tôi (V) biết và đồng ý vì vợ tôi kinh doanh nhằm kiếm tiền lo cho kinh tế gia đình. Hiện nay việc kinh doanh, làm ăn gặp Nều khó khăn dẫn đến thua lỗ nên chưa có khả năng trả nợ. Nay bà L.T.T.C khởi kiện, tôi chấp nhận cùng với vợ trả cho bà C số tiền vay gốc còn nợ 800.000.000. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên

xin trả tiền vay gốc làm nhiều lần, về lãi suất đề nghị bà C không tính tiền lãi suất đối với số tiền vay từ ngày 01/6/2019 đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn và triệu tập đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án lập bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải, các bên thừa nhận về số nợ gốc và số tiền lãi suất, thời hạn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tuy Nên các bên không thỏa thuận được về thời gian thanh toán tiền vay gốc và lãi suất phát sinh. Căn cứ Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông N T. H và ông N. D. T phát biểu ý kiến tranh luận:

Ngày 28/11/2018, bà N và ông V vay của bà C số tiền 1.200.000.000 đồng; Ngày 02/5/2019 bà N và ông V vay của bà C số tiền 500.000.000 đồng, tổng cộng hai lần vay là 1.700.000.000 đồng. Bà N và ông V vay số tiền trên để thu mua nông sản và cà phê. Sau khi vay, bà N trả được 200.000.000 đồng, còn lại 1.500.000.000 đồng, bà C đã Nều lần yêu cầu bà N và ông V trả cho bà C nH bà N ông V không trả, do vậy bà C khởi kiện ra Tòa. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 27/9/2020 bà N và ông V trả cho bà C 700.000.000 đồng, còn nợ lại 800.000.000 đồng. Do vậy tại phiên Tòa hôm nay, bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 700.000.000 đồng, đề nghị HĐXX buộc bà N và ông V trả cho bà C số tiền 800.000.000 đồng còn nợ.

Về lãi suất: Bà N và ông V đã trả lãi suất đến hết ngày 31/5/2019, do vậy bà C yêu cầu bà N ông V trả lãi suất 1,5%/ 1 tháng của số tiền còn nợ là 1.500.000.000 đồng từ ngày 1/6/2019 đến ngày 27/9/2020 và lãi suất của số tiền 800.000.000 đồng từ ngày 18/9/2020 (Vì ngày 27/9/2020 bà N và ông V trả cho bà C 700.000.000 đồng) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 26/10/2020.

- Bị đơn bà T. H. C. N và đại diện theo ủy quyền của ông H.A.Vtrình bày ý kiến tranh luận: Bà N và ông V vay số tiền 1.700.000.000 đồng của bà C để kinh doanh mua bán nông sản. Tuy nhiên trong quá trình làm ăn không được thuận lợi nên mới trả cho bà C được 200.000.000 đồng. Số tiền còn lại 1.500.000.000 đồng bà C đã Nều lần yêu cầu bà N ông V trả cho bà C nhưng bà N và ông V chưa trả được. Bà C khởi kiện

ra Tòa, bà N và ông V đã Nều lần xin bà C cho bà N và ông V trả nợ nhiều lần nhưng bà C không đồng ý. Ngày 27/9/2020, bà N và ông V đã trả cho bà C 700.000.000 đồng tiền vay gốc, hiện nay còn nợ lại của bà C 800.000.000 đồng. Bà N và ông V chấp nhận trả cho bà C số tiền 800.000.000 đồng nhưng xin trả nợ gốc làm nhiều lần và xin không trả số tiền lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành tương đối đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại BLTTDS;

Về nội dung đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

- Áp dụng Điều 463; Khoản 1 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 27; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L.T.T.C. Buộc bị đơn bà T. H. C. N và ông H.A.V phải trả cho bà L.T.T.C số tiền vay gốc 800.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.T.T.C yêu cầu bà T. H. C. N và ông H.A.V phải trả đối với số tiền 700.000.000 đồng.

Về lãi suất: Buộc bà T. H. C. N và ông H.A.V trả tiền lãi suất cho bà L.T.T.C theo thỏa thuận trong các hợp đồng vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về hình thức: Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Tại thời điểm bà L.T.T.C khởi kiện, bị đơn bà T. H. C. N và ông H.A.V cư trú tại Số nhà C, đường K, thị trấn P, huyện K. tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Xét về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.T.T.C yêu cầu bị đơn bà T. H. C. N và ông H.A.V trả cho bà C số tiền 800.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào bản tự khai, biên bản Hòa giải và phần tranh tụng tại phiên tòa của các bên đương sự, HĐXX xét thấy: Ngày 28/11/2018 bà T. H. C. N và ông H.A.V vay của bà L.T.T.C số tiền 1.200.000.000 đồng, bà N ông V hẹn trả cho bà C số tiền vay gốc và lãi suất cho bà C sau 15 ngày kể từ ngày vay. Tiếp đến ngày 02/5/2019, bà N và ông V vay của bà C số tiền 500.000.000 đồng, trong hợp đồng vay hai bên không ghi ngày trả nợ nhưng hai bên thỏa thuận nếu bà C cần lấy số tiền và lãi suất trên thì báo trước cho bà N và ông V khoảng một tháng. Tổng hai lần vay là 1.700.000.000 đồng. Khi vay hai bên có xác lập hợp đồng vay, chữ ký chữ viết Cẩm N, H.A.V dưới mục người vay trong giấy vay tiền ngày 28/11/2018 do bà N và ông V ký và viết ra. Chữ ký, chữ viết T. H. C. N dưới mục người vay trong giấy vay tiền ngày 02/5/2019 do bà N ký và viết ra. Do có nhu cầu lấy lại số tiền đã cho vay, bà C đã yêu cầu bà N và ông V trả toàn bộ số tiền vay và lãi suất cho bà C nhưng do điều kiện khó khăn nên bà N và ông V mới trả cho bà C được 200.000.000 đồng của số tiền 500.000.000 đồng theo giấy vay ngày 02/5/2019. Số tiền còn lại 1.500.000.000 đồng, bà C đã Nêu lần yêu cầu bà N và ông V trả cho bà C nhưng bà N và ông V không trả. Do vậy ngày 11/5/2020, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N và ông V trả cho bà C số tiền còn nợ 1.500.000.000 đồng. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 27/9/2020 bà T. H. C. N và ông H.A.V trả cho bà C 700.000.000 đồng, còn nợ lại 800.000.000 đồng tiền vay gốc bà N ông V không trả cho bà C.

Xét lời khai của các đương sự tại phiên tòa hôm nay phù hợp với chứng cứ là 02 giấy vay tiền lập ngày 28/11/2018 và ngày 02/5/2019. Như vậy HĐXX xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh: Vào ngày 28/11/2018 bà N và ông V vay của bà C số tiền 1.200.000.000 đồng, ngày 02/9/2019 bà N vay của bà C 500.000.000 đồng. Mục đích vay về để kinh doanh thu mua cà phê và nông sản. Tính đến thời điểm xét xử ngày 26/10/2020, bà T. H. C. N và ông H.A.V đã trả cho bà C được 900.000.000 đồng, số tiền còn lại 800.000.000 đồng bà N, ông V không trả cho bà C là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà L.T.T.C là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.T.T.C, buộc bị đơn bà T. H. C. N và ông H.A.V phải trả cho bà L.T.T.C số tiền 800.000.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật.

* Về tiền lãi suất: Trong hợp đồng vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/ 1 tháng, xét thấy mức lãi suất hai bên thỏa thuận là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận. Trong quá trình Hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự thừa nhận, bà N và ông V đã trả tiền lãi suất cho bà C đến hết ngày 31/5/2019. Như vậy lãi suất được tính như sau:

+ Đối với số tiền vay gốc 1.500.000.000 đồng: Lãi suất được tính từ ngày 01/6/2019 đến ngày 27/9/2020 (Do ngày 27/9/2020 bà T. H. C. N trả cho bà L.T.T.C số tiền 700.000.000 đồng tiền nợ gốc) là 510 ngày. Mức lãi suất là $1.500.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \times 510 \text{ ngày} : 30$ là 382.500.000 đồng;

+ Đối với số tiền vay gốc 800.000.000 đồng tính từ ngày 28/9/2020 đến ngày 26/10/2020 là 28 ngày. Mức lãi suất là $800.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \times 28 \text{ ngày} : 30$ là 11.200.000 đồng.

Số tiền lãi suất bà N và ông V phải trả cho bà C là 393.700.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền vay gốc và lãi suất HĐXX buộc bà N và ông V phải trả cho bà C là: 1.193.700.000 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 393.700.000 đồng.

- Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông N T. H, ông N. D. T rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc bà T. H. C. N và ông H.A.V trả cho bà C số tiền 700.000.000 đồng. Do vậy HĐXX áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.T.T.C về việc yêu cầu bà T. H. C. N và ông H.A.V đối với số tiền 700.000.000 đồng.

Bà L.T.T.C được quyền khởi kiện lại đối với số tiền 700.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

* Xét ý kiến của bà T. H. C. N và ông H.A.V đề nghị HĐXX cho bà N và ông V trả số tiền vay gốc làm nhiều lần và xin không trả lãi suất do điều kiện hoàn cảnh khó khăn, HĐXX nhận định: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên

đơn bà L.T.T.C cho rằng: Số tiền trên bà N và ông V hứa trả cho bà C nhiều lần nhưng không thực hiện, do vậy bà C không đồng ý cho bà N và ông V trả nợ làm nhiều lần và không đồng ý cho lãi suất. Xét thấy yêu cầu của bà N và ông V không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp nhận nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà N ông V.

[3] Về án phí: Do HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông V, bà N phải trả cho bà L.T.T.C 1.193.700.000 đồng nên ông V, bà N phải chịu 47.811.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức: $800.000.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng} + 11.811.000 \text{ đồng} (393.700.000 \times 3\%) = 47.811.000 \text{ đồng}$ (Bốn mươi bảy triệu, tám trăm mười một nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà L.T.T.C số tiền 31.500.000 đồng (Ba mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BB/2017/0002059, ngày 27/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 217, Điều 218, Điều 219; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

- Áp dụng Điều 463; Khoản 1 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 27; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L.T.T.C.

Buộc vợ chồng bà T. H. C. N và ông H.A.V phải trả cho bà L.T.T.C tổng số tiền 1.193.700.000 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 393.700.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.T.T.C về việc yêu cầu bà T. H. C. N và ông H.A.V đối với số tiền 700.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản

tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bị đơn bà T. H. C. N và ông H.A.V phải chịu 47.811.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, tám trăm mười một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà L.T.T.C số tiền 31.500.000 đồng (Ba mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BB/2017/0002059, ngày 27/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn bà L.T.T.C, bị đơn bà T. H. C. N và ông H.A.V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Đã ký

Trương Quang Vinh